

Trường TH LÊ ĐỨC THỌ

Chương: 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2022

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Thực hiện Quý 1 năm 2021	Dự toán Quý 1 năm 2022	Thực hiện quý 1 năm 2022	So sánh (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
		1	2	3	4 = 3/2	5 = 3/1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước					
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.021.906.392	955.180.766	955.180.766	100	93
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	904.560.762	868.180.766	868.180.766	100	96
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	763.651.287	868.180.766	868.180.766	100	114
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)	140.909.475	0	0	0	0
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, có tính chất lương) (nguồn 14)	117.345.630	87.000.000	87.000.000	100	74
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	105.000.000	87.000.000	87.000.000	100	83
	- Trợ cấp tết		0	0		
	-Trợ cấp giảng dạy đối với giáo viên dạy hoà nhập					

	cho học sinh khuyết tật						
	- Tiền sửa học đường	12.345.630				0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình						
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
5	Chi bảo đảm xã hội						
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
6	Chi hoạt động kinh tế						
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường						
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin						
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao						
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
11	Chi Chương trình mục tiêu						

Gò Vấp, Ngày 01 tháng 04 năm 2022

Hiệu trưởng



Dương Trần Bình

BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN QUÝ I NĂM 2022

I. Thuyết minh chi tiết số liệu quyết toán ngân sách Quý I Năm 2022

1/ Tổng quan tình hình sử dụng nguồn ngân sách năm 2022

Nguồn	Tồn năm trước chuyển sang	Dự toán giao Quý 1 năm 2022	Dự toán đã sử dụng trong Quý	Tồn cuối kỳ
Nguồn 13 (Kinh phí thường xuyên)	24.223.325	4.268.971.770	868.180.766	3.425.014.329
Nguồn 14 (Kinh phí cải cách tiền lương)	919.041.194	156.150.150		1.075.191.344
Nguồn 12 (Kinh phí không thường xuyên)		94.802.670	87.000.000	7.802.670
Tồn cuối kỳ	943.264.519	4.519.924.590	955.180.766	4.508.008.343

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 1 Năm 2022	Lũy kế từ đầu năm
B	C	5	6
		868.180.766	868.180.766
6000	Tiền lương	431.925.670	431.925.670
6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	431.925.670	431.925.670
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	79.560.000	79.560.000
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	79.560.000	79.560.000
6100	Phụ cấp lương	189.970.814	189.970.814
6101	Phụ cấp chức vụ	14.751.000	14.751.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	154.097.723	154.097.723
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	447.000	447.000
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	20.675.091	20.675.091
6300	Các khoản đóng góp	128.524.282	128.524.282
6301	Bảo hiểm xã hội	95.709.574	95.709.574
6302	Bảo hiểm y tế	16.407.354	16.407.354
6303	Kinh phí công đoàn	10.938.236	10.938.236
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	5.469.118	5.469.118
6700	Công tác phí	7.500.000	7.500.000
6704	Khoản công tác phí	7.500.000	7.500.000
6750	Chi phí thuê mướn	26.700.000	26.700.000
6757	Thuê lao động trong nước	26.700.000	26.700.000
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	4.000.000	4.000.000
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	4.000.000	4.000.000

2/ Chi không thường xuyên (nguồn 12) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 1 Năm 2022	Lũy kế từ đầu năm
B	C	5	6
		87.000.000	87.000.000
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	87.000.000	87.000.000
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	87.000.000	87.000.000

Gò Vấp, ngày 01 tháng 04 năm 2022

Người lập



Lý Thị Thảo Nguyên

Hiệu trưởng



Dương Trần Bình

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Quý 1 Năm 2022	Lũy kế từ đầu năm
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	87.000.000	87.000.000
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	87.000.000	87.000.000